TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/05/2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không còn sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn căng thẳng và kéo dài nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Huỳnh Ngọc H1, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn đối với ông H1.

Về con chung: Bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 có 02 con chung là chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh ngày 07/11/1999 và anh Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 13/8/2006; con chung hiện đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến, bị đơn ông Huỳnh Ngọc H1 trình bày:

Ông Huỳnh Ngọc H1 thống nhất với lời trình bày của bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân. Bị đơn xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với bà H nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Ông H1 và bà H có 02 con chung là chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh ngày 07/11/1999 và anh Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 13/8/2006; hiện các con chung đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H1 và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà H được ly hôn đối với ông H1; 02 con chung đã thành niên nên không đề cập giải quyết; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp

luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông H1 đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, bị đơn đồng ý ly hôn đối với bà H. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 có 02 con chung là chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh ngày 07/11/1999 và anh Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 13/8/2006; các con chung đều đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H được ly hôn đối với ông Huỳnh Ngọc H1.

Về con chung: Bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H và ông Huỳnh Ngọc H1 có 02 con chung là chị Huỳnh Thị Ánh N, sinh ngày 07/11/1999 và anh Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 13/8/2006; các con chung đều đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lò Thị Ngọc Nữ Nhật H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2023/0013172 ngày 09/7/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp BMT;
- UBND xã H, Tp B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng